

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 24 /2023/DS – ST.

Ngày: 24-3-2023.

V/V tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Song Hoàn

2. Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX- ST ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐHPT-ST ngày 06-3-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: VIB.

Trụ sở: Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật;

Bà Trần Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc TTQLNNHBL-VIB (là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số: 27869.20 ngày 04-01-2021 của Tổng giám đốc VIB); bà Trần Thị Thu H ủy quyền lại cho bà Tạ Thị Thùy D, cán bộ VIB (Theo văn bản ủy quyền số: 46913.21 ngày 05-7-2021 (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Phước Cẩm T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ngày 05-7-2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Tạ Thị Thùy D trình bày:

Quá trình ký kết Hợp đồng thẻ tín dụng: Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của bà Nguyễn Phước Cẩm T ngày 26-3-2019 và các văn bản mà bà Nguyễn Phước Cẩm T đã ký với VIB về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 01-4-2019, VIB đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Phước Cẩm T, chi tiết như sau:

+ Thẻ VIB Financial: Số tài khoản thẻ 000000000198779; Hạn mức 50.000.000 đồng; Lãi và phí theo quy định của VIB tại từng thời kỳ.

+ Thẻ VIB Cash Back: Số tài khoản thẻ 000000000198774; Hạn mức 150.000.000 đồng; Lãi và phí theo quy định của VIB tại từng thời kỳ.

Quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Phước Cẩm T đã vi phạm các nội dung thỏa thuận tại Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB, đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế và các văn bản mà bà Nguyễn Phước Cẩm T đã ký và bị quá hạn thanh toán kể từ ngày 25-11-2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Phước Cẩm T đã không thực hiện trả nợ gốc, lãi, phí thẻ đúng cam kết.

Thẻ tín dụng: Cash Back C000000000198774

Tổng phát sinh dư nợ gốc thẻ tín dụng C000000000198774 là 165.570.238 đồng, trong đó: tổng dư nợ gốc đã thanh toán là 16.157.351 đồng, Dư nợ gốc chưa thanh toán là 149.412.887 đồng.

Tổng phát sinh lãi là 73.251.149 đồng, trong đó: tổng lãi đã thanh toán là 16.444.761 đồng, lãi chưa thanh toán là 56.806.388 đồng.

Tổng phí phát sinh là 73.898.552 đồng, trong đó: tổng phí đã thanh toán là 14.297.888 đồng, phí chưa thanh toán là 59.600.664 đồng.

Tổng dư nợ thẻ tín dụng C000000000198774 còn lại tạm tính đến ngày 23-3-2023 là 265.819.939 đồng.

Thẻ tín dụng: Financial Free C000000000198779

Tổng phát sinh dư nợ gốc thẻ tín dụng C000000000198779 là 65.263.433 đồng, trong đó: tổng dư nợ gốc đã thanh toán là 17.826.466 đồng, Dư nợ gốc chưa thanh toán là 47.436.967 đồng.

Tổng phát sinh lãi là 27.356.127 đồng, trong đó: tổng lãi đã thanh toán là 8.781.628 đồng, lãi chưa thanh toán là 18.574.499 đồng.

Tổng phí phát sinh là 44.562.581 đồng, trong đó: tổng phí đã thanh toán là 3.423.993 đồng, phí chưa thanh toán là 41.138.588 đồng.

Tổng dư nợ thẻ tín dụng C000000000198779 còn lại tạm tính đến ngày 23/3/2023 là 107.150.054 đồng.

Tạm tính đến ngày 23-3-2023, bà Nguyễn Phước Cẩm T còn nợ VIB số tiền là: 372.969.993 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi hai triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba đồng), trong đó gồm:

Nợ gốc	:	196.849.854 đồng;
Nợ lãi	:	75.380.887 đồng;
Phí	:	100.739.252 đồng.

Từ những nội dung đã trình bày trên, VIB kính đề nghị Quý Tòa xem xét, giải quyết những yêu cầu sau: Buộc bà Nguyễn Phước Cẩm T phải thanh toán cho VIB ngay sau khi Bản án/Quyết định có hiệu lực thi hành, số tiền tạm tính đến ngày 23/3/2023 là: 372.969.993 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi hai triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba đồng), bao gồm:

Nợ gốc	:	196.849.854 đồng;
Nợ lãi	:	75.380.887 đồng;
Phí	:	100.739.252 đồng;

Đề nghị quý Tòa tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 24-3-2023 cho đến khi bà Nguyễn Phước Cẩm T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng thẻ tín dụng (HĐTD) đã ký.

2. Bị đơn- bà Nguyễn Phước Cẩm T trong suốt quá trình tố tụng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành tốt các quy định pháp luật tố tụng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Xét yêu cầu của VIB đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện tuyên buộc bà Nguyễn Phước Cẩm T phải có nghĩa vụ trả

nợ gốc, nợ lãi, phí và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và cam kết không còn chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: VIB khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà Nguyễn Phước Cẩm T có nơi cư trú tại địa chỉ số 76 Lê Văn V, khu phố 2, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại kết quả xác minh của Công an phường H thì bà T không đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại địa chỉ trên. Theo kết quả xác minh của Công an phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 33 Đường 5, tổ 52, khu phố 5, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà đi từ năm 2018 và chuyển về sinh sống tại số 563/78 đường N, phường N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Công an phường N, thành phố Vũng Tàu xác nhận bà Nguyễn Phước Cẩm T sinh sống tại địa chỉ số 563/78 đường N, phường N, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Phước Cẩm T đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử, tuy nhiên bà Thi vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về nội dung: Theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của bà Nguyễn Phước Cẩm T ngày 26-3-2019 và các văn bản mà bà Nguyễn Phước Cẩm T đã ký với VIB về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 01-4-2019, VIB đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Phước Cẩm T, chi tiết như sau:

+ Thẻ VIB Financial: Số tài khoản thẻ 000000000198779; Hạn mức 50.000.000 đồng; Lãi và phí theo quy định của VIB tại từng thời kỳ.

+ Thẻ VIB Cash Back: Số tài khoản thẻ 000000000198774; Hạn mức 150.000.000 đồng; Lãi và phí theo quy định của VIB tại từng thời kỳ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Phước Cẩm T đã không thực hiện trả nợ gốc, lãi, phí thẻ đúng cam kết.

Thẻ tín dụng: Cash Back C000000000198774.

Tổng phát sinh dư nợ gốc thẻ tín dụng C000000000198774 là 165.570.238 đồng, trong đó: tổng dư nợ gốc đã thanh toán là 16.157.351 đồng, Dư nợ gốc chưa thanh toán là 149.412.887 đồng.

Tổng phát sinh lãi là 73.251.149 đồng, trong đó: tổng lãi đã thanh toán là 16.444.761 đồng, lãi chưa thanh toán là 56.806.388 đồng.

Tổng phí phát sinh là 73.898.552 đồng, trong đó: tổng phí đã thanh toán là 14.297.888 đồng, phí chưa thanh toán là 59.600.664 đồng.

Tổng dư nợ thẻ tín dụng C000000000198774 còn lại tạm tính đến ngày 23-3-2023 là 265.819.939 đồng.

Thẻ tín dụng: Financial Free C000000000198779

Tổng phát sinh dư nợ gốc thẻ tín dụng C000000000198779 là 65.263.433 đồng, trong đó: tổng dư nợ gốc đã thanh toán là 17.826.466 đồng, Dư nợ gốc chưa thanh toán là 47.436.967 đồng.

Tổng phát sinh lãi là 27.356.127 đồng, trong đó: tổng lãi đã thanh toán là 8.781.628 đồng, lãi chưa thanh toán là 18.574.499 đồng.

Tổng phí phát sinh là 44.562.581 đồng, trong đó: tổng phí đã thanh toán là 3.423.993 đồng, phí chưa thanh toán là 41.138.588 đồng.

Tổng dư nợ thẻ tín dụng C000000000198779 còn lại tạm tính đến ngày 23/3/2023 là 107.150.054 đồng.

Tạm tính đến ngày 23-3-2023, bà Nguyễn Phước Cẩm T còn nợ VIB số tiền là: 372.969.993 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi hai triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba đồng), trong đó gồm:

Nợ gốc	:	196.849.854 đồng;
Nợ lãi	:	75.380.887 đồng;
Phí	:	100.739.252 đồng.

Xét về số nợ gốc, nợ lãi và phí theo yêu cầu của nguyên đơn nêu trên, thấy:

Theo các điều khoản của hợp đồng mở và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký, bà Nguyễn Phước Cẩm T đã vi phạm các nội dung thỏa thuận tại Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB, đăng ký phát hành thẻ tín dụng Quốc tế và các văn bản mà bà Nguyễn Phước Cẩm T đã ký về trả nợ gốc, lãi, phí và bị quá hạn thanh toán kể từ ngày 25-11-2019. Nên VIB đã chuyển nợ quá hạn, tính lãi và phí tương ứng với mức lãi suất và thời gian vi phạm theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã cam kết, cũng như các quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời điểm và phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như vậy, đã đủ căn cứ buộc bà Thi phải trả cho VIB tổng số tiền 372.969.993 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi hai triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba đồng), trong đó gồm:

Nợ gốc	:	196.849.854 đồng;
Nợ lãi	:	75.380.887 đồng;
Phí	:	100.739.252 đồng.

[3].Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Phước Cẩm T phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho VIB.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho VIB.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VIB v/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Nguyễn Phước Cẩm T.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc Nguyễn Phước Cẩm T trả nợ cho VIB, tổng số tiền theo hợp đồng *Thẻ tín dụng Cash Back C000000000198774* và *Thẻ tín dụng Financial Free C000000000198779* là: 372.969.993 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi hai triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba đồng), trong đó gồm:

Nợ gốc	:	196.849.854 đồng;
Nợ lãi	:	75.380.887 đồng;
Phí	:	100.739.252 đồng.

Kể từ ngày 24-3-2023, bà Nguyễn Phước Cẩm T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng mở Thẻ tín dụng Cash Back C000000000198774 và Thẻ tín dụng Financial Free C000000000198779 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ bà Nguyễn Phước Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.648.500đ(Mười tám triệu, sáu trăm bốn mươi tám ngàn, năm trăm đồng).

+ Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 9.324.250đ (Chín triệu, ba trăm hai mươi tư ngàn, hai trăm năm mươi đồng) cho VIB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00027342 ngày 07-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để yêu cầu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm,(đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp.VT;
- Thi hành án dân sự tpVT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

HOÀNG THỊ CÚC

